

**THỜI KHÓA BIỂU TUẦN 69**  
**CÁC LỚP LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG - KHOÁ HỌC 2023 - 2025**  
(Lịch học từ ngày 10/05/2025 đến 11/05/2025)

| HỆ ĐÀO TẠO                                   | LỚP       | SỈ SỐ | HỌC KỲ | THỨ | NGÀY      | BUỔI  | GHÉP LỚP (Nếu có) | MÔN HỌC                                  | LT/TH | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN          | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ       |
|----------------------------------------------|-----------|-------|--------|-----|-----------|-------|-------------------|------------------------------------------|-------|---------|---------|---------|------|---------------------|-----------|---------------|
| Liên thông Cao đẳng<br>(Khóa học 2023 -2025) | 23LT.DU.8 | 18    | III    | CN  | 11/5/2025 | Sáng  |                   | Tổ chức quản lý dược                     | LT    | 30      | 25      | 5       |      | DS. Hưng            | P. B3.5   |               |
|                                              | 23LT.DU.8 | 18    | III    | CN  | 11/5/2025 | Chiều |                   | Tổ chức quản lý dược                     | LT    | 30      | 30*     | 5       |      | DS. Hưng            | P. B3.5   |               |
|                                              | 23LT.ĐD.6 | 13    | III    | 7   | 10/5/2025 | Sáng  |                   | LS CSSK Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình        | TTLS  | 90      | 75      | 5       |      |                     |           | BV ĐK tỉnh KH |
|                                              | 23LT.ĐD.6 | 13    | III    | 7   | 10/5/2025 | Chiều |                   | LS CSSK Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình        | TTLS  | 90      | 80      | 5       |      | CK1. ĐDPS. Minh Lộc |           | BV ĐK tỉnh KH |
|                                              | 23LT.ĐD.6 | 13    | III    | CN  | 11/5/2025 | Sáng  |                   | LS CSSK Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình        | TTLS  | 90      | 85      | 5       |      |                     |           | BV ĐK tỉnh KH |
|                                              | 23LT.ĐD.6 | 13    | III    | CN  | 11/5/2025 | Chiều |                   | LS CSSK Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình        | TTLS  | 90      | 90*     | 5       |      |                     |           | BV ĐK tỉnh KH |
|                                              | 23LT.HS.5 | 7     | III    | 7   | 10/5/2025 | Sáng  |                   | Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên | LT    | 30      | 15      | 5       |      | BS.CKI. Minh Luân   | P. B2.5   |               |
|                                              | 23LT.HS.5 | 7     | III    | 7   | 10/5/2025 | Chiều |                   | Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên | LT    | 30      | 20      | 5       |      | BS.CKI. Minh Luân   | P. B2.5   |               |
|                                              | 23LT.HS.5 | 7     | III    | CN  | 11/5/2025 | Sáng  |                   | Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên | LT    | 30      | 25      | 5       |      | BS.CKI. Minh Luân   | P. B2.5   |               |
|                                              | 23LT.HS.5 | 7     | III    | CN  | 11/5/2025 | Chiều |                   | Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên | LT    | 30      | 30*     | 5       |      | BS.CKI. Minh Luân   | P. B2.5   |               |
|                                              | 23LT.XN.4 | 14    | III    | 7   | 10/5/2025 | Sáng  |                   | Thực hành Xét nghiệm 1                   | TTLS  | 90      | 77      | 5       |      | ThS. Quỳnh          |           | BV ĐK tỉnh KH |

| HỆ ĐÀO TẠO                                   | LỚP           | SỈ SỐ | HỌC KỲ | THỨ | NGÀY      | BUỔI  | GHÉP LỚP (Nếu có) | MÔN HỌC                                        | LT/TH | TỔNG SỐ | TIỀN ĐỘ | SỐ TIẾT | NHÓM | GIẢNG VIÊN             | PHÒNG HỌC | GHI CHÚ             |
|----------------------------------------------|---------------|-------|--------|-----|-----------|-------|-------------------|------------------------------------------------|-------|---------|---------|---------|------|------------------------|-----------|---------------------|
| Liên thông Cao đẳng<br>(Khóa học 2023 -2025) | 23LT.XN.4     | 14    | III    | 7   | 10/5/2025 | Chiều |                   | Thực hành Xét nghiệm<br>1                      | TTLS  | 90      | 81      | 4       |      | ThS. Quỳnh             |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23LT.XN.4     | 14    | III    | CN  | 11/5/2025 | Sáng  |                   | Thực hành Xét nghiệm<br>1                      | TTLS  | 90      | 86      | 5       |      | ThS. Quỳnh             |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23LT.XN.4     | 14    | III    | CN  | 11/5/2025 | Chiều |                   | Thực hành Xét nghiệm<br>1                      | TTLS  | 90      | 90*     | 4       |      | ThS. Quỳnh             |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
| TC Văn bằng 2<br>(Khóa học 2023 -2025)       | 23VB.YS.7AB   | 9     |        | 7   | 10/5/2025 | Sáng  | GL                | TTLS Sản Phụ Khoa                              | TTLS  | 90      | 85      | 5       |      |                        |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23VB.YS.7AB   | 9     |        | 7   | 10/5/2025 | Chiều | GL                | TTLS Sản Phụ Khoa                              | TTLS  | 90      | 90      | 5       |      | CK1. ĐDPS.<br>Minh Lộc |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23VB.YS.7AB   | 9     |        | CN  | 11/5/2025 | Sáng  | GL                | TTLS Sản Nhi khoa                              | TTLS  | 90      | 5       | 5       |      |                        |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23VB.YS.7AB   | 9     |        | CN  | 11/5/2025 | Chiều | GL                | TTLS Sản Nhi khoa                              | TTLS  | 90      | 10      | 5       |      |                        |           | BV ĐK<br>tỉnh KH    |
|                                              | 23VB.YHCT.5AB | 18    |        | 7   | 10/5/2025 | Sáng  | GL                | TT Châm cứu, Xoa bóp,<br>Bấm huyệt, Dưỡng sinh | TTLS  | 90      | 85      | 5       |      | TS. Tùng               |           | BV<br>YHCT&P<br>HCN |
|                                              | 23VB.YHCT.5AB | 18    |        | 7   | 10/5/2025 | Chiều | GL                | TT Châm cứu, Xoa bóp,<br>Bấm huyệt, Dưỡng sinh | TTLS  | 90      | 90*     | 5       |      | TS. Tùng               |           | BV<br>YHCT&P<br>HCN |
|                                              | 23VB.YHCT.5AB | 18    |        | CN  | 11/5/2025 | Sáng  | GL                | TT LS Bệnh học YHCT<br>I                       | TTLS  | 90      | 5       | 5       |      | TS. Tùng               |           | BV<br>YHCT&P<br>HCN |
|                                              | 23VB.YHCT.5AB | 18    |        | CN  | 11/5/2025 | Chiều | GL                | TT LS Bệnh học YHCT<br>I                       | TTLS  | 90      | 10      | 5       |      | TS. Tùng               |           | BV<br>YHCT&P<br>HCN |
|                                              | 23VB.DU.7AB   | 9     |        | CN  | 11/5/2025 | Sáng  | GL                | Dược lâm sàng                                  | TH    | 30      | 28      | 4       |      | DS CK1. Mai<br>Lan     | P. B2.2   |                     |
|                                              | 23VB.DU.7AB   | 9     |        | CN  | 11/5/2025 | Chiều | GL                | Dược lâm sàng                                  | TH    | 30      | 30*     | 2       |      | DS CK1. Mai<br>Lan     | P. B2.2   |                     |